TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST
Ngày 24-9-2021
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Sang và ông Lê Việt Long

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Xuân Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Đạo- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Đặng Thị H**, sinh năm 1993.
ĐKHKTT: thôn A, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: thôn Đ, xã V, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.
- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1989;
ĐKHKTT: thôn A, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.
- *Những người làm chứng:*
+ Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1949;
Trú tại: thôn A, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.
+ Ông Đặng Văn N, sinh năm 1967;
Trú tại: thôn Đ, xã V, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.
Chị H có mặt; anh T và những người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Đặng Thị H trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q ngày 17/6/2013. Sau khi kết hôn, chị và anh T sinh sống tại gia đình chồng ở thôn A, xã Q, vợ chồng chung sống

hòa thuận, hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, bên cạnh đó anh T không tu chí làm ăn, mà thường xuyên chơi bời cờ bạc, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T vẫn không thay đổi, một số lần còn đánh chị dẫn đến cuộc sống luôn căng thẳng. Không thể chịu đựng được cuộc sống chung không có hạnh phúc, nên tháng 4/2021 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, thời gian ly thân, anh T có đến tìm chị, nhưng chị cương quyết không về, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thành P, sinh ngày 20/10/2014 và Nguyễn Xuân T, sinh ngày 30/12/2016, các con hiện đang ở với anh T và ông bà nội. Chị xin được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Xuân T để anh T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành P, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm công nhân, mức thu nhập trung bình hàng tháng từ 06 đến 07 triệu đồng/tháng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt văn bản, tài liệu cho bị đơn là anh Nguyễn Văn T và nhiều lần triệu tập bị đơn đến làm việc tham gia hòa giải, nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

- Kết quả làm việc với ông Nguyễn Văn Th (bố đẻ anh T) xác định: Anh T và chị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, anh chị về ở cùng với gia đình ông, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Theo ông tìm hiểu thì chị H nói anh T đi làm không đưa tiền cho vợ để chăm lo cho gia đình, có lần vợ chồng mâu thuẫn, anh T có tát chị H, sau đó chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh T có đến đón chị H nhưng chị ấy cương quyết không về, vợ chồng ly thân sau đó chị H gửi đơn ra Tòa án xin ly hôn anh T, anh T cũng điện về thông báo cho ông biết về việc chị H xin ly hôn. Hiện anh T đi làm xây dựng ở TP Hải Phòng, trước khi chưa có dịch bệnh thì thường xuyên về nhà, thậm chí sáng đi tối về, tuy nhiên từ khi có dịch bệnh đi lại khó khăn thì ít về nhà hơn nhưng vẫn thường xuyên gọi điện, gửi tiền về để ông nuôi con. Khi Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án và giao các văn bản tố tụng cho bị đơn, ông đều gọi điện thông báo cho anh T biết, anh T có trao đổi với ông về quan điểm của mình đối với việc khởi kiện của nguyên đơn: cụ thể chị H xin ly hôn anh T nhất trí, vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thành P, sinh ngày 20/10/2014 và Nguyễn Xuân T, sinh ngày 30/12/2016, anh nhất trí với quan điểm của chị H, mỗi người nuôi một con, anh xin nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành P để chị H nuôi cháu Nguyễn Xuân T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, do công việc bận không về được nên anh T xin giải quyết vắng mặt. Anh T làm nghề xây dựng tự do, không có địa chỉ cố định, mức thu nhập trung bình hàng tháng khoảng từ 8 đến 10 triệu đồng. Trường hợp Tòa án giao con cho anh T nuôi dưỡng, ông cam kết sẽ tạo điều kiện về

chỗ ăn ở cho bố con anh T và hỗ trợ anh T trong việc chăm sóc con chung với những điều kiện tốt nhất.

Ông Đặng Văn N (bố đẻ chị H) trình bày: Chị H, anh T qua thời gian tự do tìm hiểu tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn, anh T và chị H về ở cùng với gia đình nhà chồng, chị H đi làm công nhân, còn anh T làm nghề tự do. Quá trình chung sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn, cụ thể như thế nào ông không được chứng kiến, sau khi chị H bỏ về nhà ông ở tháng 4/2021, có kể lại với ông lý do bỏ về là do anh T mải chơi, không tu chí làm ăn, không quan tâm gì đến vợ con, sau đó anh T có xuống tìm chị H nhưng chị ấy cương quyết không về, do anh chị đã trưởng thành, có ở được với nhau hay không là do anh chị ấy tự quyết định. Anh T, chị H có 02 con chung như anh chị đã trình bày là đúng, trường hợp chị H được nuôi dưỡng con chung, ông bà nhất trí tạo điều kiện cho mẹ con chị H chỗ ăn ở đảm bảo sinh hoạt và hỗ trợ chị H trong việc chăm sóc con với những điều kiện tốt nhất.

Cục quản lý xuất nhập cảnh của Bộ Công an xác nhận anh Nguyễn Văn T không có thông tin xuất cảnh.

Tòa án tiến hành làm việc với lãnh đạo UBND xã Q, UBND xã V và đại diện các đoàn thể ở hai địa phương đều được cung cấp: Anh T và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại gia đình chồng ở thôn A, xã Q. Quá trình chung sống, anh chị có xảy ra mâu thuẫn hay không, nguyên nhân cụ thể là gì, địa phương không nắm được vì anh chị không báo cáo và đề nghị hòa giải. Chỉ biết từ tháng 4/2021, chị H về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã V sinh sống, vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay, chị H xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; anh T, chị H có 02 con chung như anh chị đã trình bày là đúng, các con chung đang ở với anh T và ông bà nội, đề nghị Tòa án giải quyết về con chung theo quan điểm của anh chị và quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh T và xin được nuôi dưỡng con chung như đã trình bày. Anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đặng Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T; Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị H được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Xuân T, sinh ngày 30/12/2016 và giao cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành P, sinh ngày 20/10/2014 cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị H, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài

sản chung, vay nợ chung: Chị H, anh T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị Đặng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Đặng Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Tứ Kỳ ngày 17/6/2013 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, bất đồng quan điểm, hay xảy ra cãi vã, đánh nhau. Theo chị H trình bày: anh T chơi bời cờ bạc, không quam tâm đến gia đình, do không thể chịu đựng được cuộc sống không có hạnh phúc nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 4/2021 đến nay, quãng thời gian ly thân, anh T có đến tìm chị nhưng chị cương quyết không về. Lời khai của chị H phù hợp với lời khai của ông Th (bố đẻ anh T), ông N (bố đẻ chị H), phù hợp với biên bản xác minh vụ việc của Tòa án với chính quyền xã Q và xã V. Căn cứ vào các tài liệu Toà án thu thập được xác định mặc dù anh T biết Toà án đang giải quyết vụ án ly hôn theo yêu cầu của chị H và yêu cầu anh T đến Toà án làm việc theo các văn bản tố tụng đã được giao cho người thân theo quy định của pháp luật, tuy nhiên anh T vẫn không đến Tòa án làm việc mà chỉ thể hiện quan điểm thông qua đại diện gia đình nhất trí ly hôn chị H, đồng ý mỗi người nuôi một con và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh T cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thành P, sinh ngày 20/10/2014 và Nguyễn Xuân T, sinh ngày 30/12/2016, các con hiện đang ở với anh T và ông bà nội. Xét nguyện vọng xin nuôi con chung của chị H, anh T thấy rằng: Cả chị H và anh T đều có việc làm và có thu nhập và đều được gia đình tạo điều kiện về chỗ ở để nuôi con và điều kiện nuôi con là như nhau, chị H xin nuôi dưỡng con chung Nguyễn Xuân T để anh T nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thành P, thông qua đại diện gia đình, anh T nhất trí với quan điểm của chị H. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, HĐXX giao cho chị H được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Xuân T, sinh ngày 30/12/2016 và giao cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành P, sinh ngày 20/10/2014 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị H, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Đặng Thị H khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Xuân T, sinh ngày 30/12/2016 và giao cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thành P, sinh ngày 20/10/2014 cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị H, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình), được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0010142 ngày 03/8/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Quân

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Q, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;